

BÁO CÁO SỰ KIỆN

Bầu cử giữa
nhiệm kỳ của Mỹ
và
Thị trường
chứng khoán

Nguyễn Kim Minh

Trưởng Bộ phận Phân tích

minhnguyenkim@vikkibanks.vn

Địa chỉ: Số 62-70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành Phố Hồ Chí Minh

Website: www.vikkibanks.vn

Hotline: (028) 7100 0001

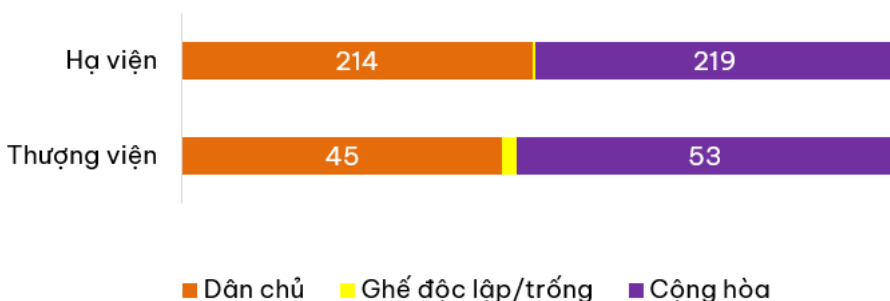


Bầu cử giữa kỳ Mỹ

- Cuộc bầu cử Quốc hội (gồm Thượng viện và Hạ viện) diễn ra định kỳ 2 năm 1 lần, vào các năm chẵn. Trong đó, cứ mỗi hai năm, Hạ viện sẽ được bầu lại toàn bộ 435 ghế, trong khi Thượng viện bầu mới 1/3 số ghế trong 100 ghế Thượng viện. Đảng nào giành được trên 50% số ghế tại mỗi viện sẽ trở thành đảng đa số và nắm toàn bộ quyền kiểm soát hoạt động của viện. “Chính phủ Thống nhất” là khi một Đảng nắm quyền kiểm soát ở cả Thượng viện và Hạ viện, trong khi “Chính phủ chia rẽ” xảy ra khi một trong hai viện được nắm quyền kiểm soát bởi Đảng đối lập với Đảng của Tổng thống.
- Cán cân quyền lực trong bộ máy chính trị Mỹ, vận hành theo nguyên tắc kiểm soát và đối trọng sâu sắc giữa ba nhánh chính trị, và chịu chi phối bởi hệ thống lưỡng đảng gồm Đảng Dân chủ và Đảng Cộng hòa. Tổng thống nắm giữ quyền hành pháp tối cao, chỉ huy quân đội và có quyền phủ quyết các dự luật do Quốc hội ban hành. Tuy nhiên, quyền lập pháp lại thuộc về Quốc hội lưỡng viện (Thượng viện và Hạ viện) với những vai trò hoàn toàn độc lập nhằm giám sát lẫn nhau. Trong đó, Hạ viện đại diện cho tỷ lệ dân số, giữ đặc quyền đề xuất các sắc thuế và luật ngân sách. Ngược lại, Thượng viện mang tính đại diện bang bình đẳng, có thẩm quyền phê chuẩn các bổ nhiệm nhân sự cao cấp hoặc hiệp ước quốc tế từ Tổng thống. Một dự luật chỉ có thể trở thành luật khi đạt được sự đồng thuận của cả hai viện. **Tổng thống có quyền phủ quyết các dự luật được thông qua, nhưng Quốc hội có thể vượt phủ quyết bằng 2/3 số phiếu ở cả hai viện, tuy nhiên việc đạt mức đồng thuận 2/3 này thường rất khó khăn.**

-> Vào ngày 03/11/2026, Mỹ sẽ tiến hành Bầu cử giữa nhiệm kỳ, vị trí Tổng thống gần như được giữ nguyên, nhưng khả năng cao sẽ có sự chia rẽ tại Quốc hội. Hiện tại, Đảng Cộng hòa (Đảng của Tổng thống Donald Trump) đang nắm lưỡng viện với tỷ số sát sao, 53 ghế/100 ghế tại Thượng viện và 219 ghế/435 ghế tại Hạ viện. Trong nhiệm kỳ trước đây của mình, Đảng Cộng hòa của ông Trump bị mất quyền tại Hạ viện sau bầu cử giữa kỳ.

Đảng cộng hòa kiểm soát ở cả hai viện với con số khiêm tốn, 219/435 ghế Hạ viện và 53/100 ghế Thượng viện. Ngoài ra Hạ viện có 2 ghế độc lập và Thượng viện có 2 ghế trống.



US Sentate, Vikkibank Securities tổng hợp

Quyền lực	
Tổng thống	Quyền thực thi chính sách, hành pháp, đối ngoại, quân sự, phủ
Hạ viện	Quyền lập pháp, thuế, ngân sách, giám sát, khởi tố luận tội
Thượng viện	Quyền lập pháp, phê chuẩn nhân sự/hiệp ước, xét xử luận tội
Hạ viện và Thượng	Khả năng thông qua chương trình lập pháp của Tổng thống cao

U.S. Constitution, USA.gov Federal Budget Process, Vikkibank Securities tổng hợp

Tác động của kết quả bầu cử đến kinh tế

- Từ năm 1958 đến nay, qua các đợt bầu cử giữa kỳ, đảng của tổng thống Mỹ đã có 15 trong 17 lần mất ghế tại Hạ viện. Hai lần duy nhất tăng thêm số ghế do các sự kiện đặc biệt, năm 1998 về luận tội tổng thống Bill Clinton và năm 2002 sau khi Mỹ bị khủng bố 11/9. Đồng thời, bối cảnh gần 2 năm sau khi ông Donald Trump nhậm chức, (i) nước Mỹ rơi vào căng thẳng tại khu vực Trung Đông với chi phí sinh hoạt người dân tăng cao, (ii) tỷ lệ mà đảng Cộng hòa của ông Trump hiện nay kiểm soát Hạ viện 219/435 ghế khá sát sao, do đó xác suất cao để bị mất quyền kiểm soát Hạ viện, chính phủ Mỹ rơi vào chia rẽ.
- Kịch bản chính phủ chia rẽ. Với quyền hành của mình, Hạ viện có thể giám sát chặt chẽ hơn giá năng lượng, vốn đang ảnh hưởng đến chi phí sinh hoạt người dân tăng cao và lĩnh vực công nghệ với các vấn đề cạnh tranh, bảo mật dữ liệu,... Trong khi đó, với vấn đề thâm hụt ngân sách, Hạ viện có thể hạn chế các khoản chi tiêu cho quốc phòng, chiến tranh tại Trung Đông. Những thay đổi này giúp tạo nên sự cân bằng hơn đối với nền kinh tế, từ đó lạm phát, tỷ giá, lợi suất trái phiếu và thâm hụt ngân sách, nợ công của Mỹ theo hướng dần hạ nhiệt. Tuy nhiên, khó có những thay đổi một cách mạnh mẽ trong ngắn hạn, do những quyền hạn của ông Trump trong hành pháp, Chính phủ và Quốc hội sẽ mất nhiều thời gian để tranh luận hơn trước khi có các quyết định. Sự chia rẽ này dẫn tới sự giám sát lẫn nhau, đôi khi lại là kịch bản có lợi.

	(1) Đảng Cộng hòa nắm cả hai viện	(2) Chia rẽ, Đảng Cộng hòa nắm Thượng viện
Nợ & thâm hụt	- Có khả năng tiếp tục mở rộng chi tiêu, giảm/duy trì thuế, đặc biệt quốc phòng, nhà ở, chăm sóc sức khỏe. Có thể thúc đẩy Reconciliation 3.0. - Rủi ro: thâm hụt và nhu cầu phát hành Treasury tiếp tục cao -> lợi suất dài hạn khó giảm sâu.	Khó thông qua các gói chi tiêu, giảm thuế lớn, các chính sách tài khóa hạn chế hơn. Tranh chấp về ngân sách, trần nợ công và rủi ro chính phủ đóng cửa gia tăng -> Lợi suất kho bạc biến động (Treasury yield).
Khả năng chi trả/lạm phát	- Tiếp tục ưu tiên giảm quy định, thuế và thúc đẩy tăng trưởng. Có thể hỗ trợ đầu tư/chi tiêu tiêu dùng. - Nhưng chính sách tài khóa nở rộ, thuế quan, chi phí năng lượng có thể gây ra lạm phát dai dẳng.	Khả năng có thêm các gói kích thích tài khóa lớn thấp hơn. Nhưng thuế quan vẫn có thể duy trì vì Tổng thống còn nhiều công cụ hành pháp, lạm phát vẫn có thể dai dẳng.
Thuế quan & thương mại	- Chính sách "Nước Mỹ trên hết" được củng cố -> khả năng duy trì/đàm phán lại thuế quan cao. Trong khi, chính sách thương mại ít bị Quốc hội cản trở. - Rủi ro đối với nhập khẩu, chuỗi cung ứng và biên lợi nhuận doanh nghiệp.	Sự chia rẽ dẫn tới Quốc hội có tính giám sát cao và qua đó hạn chế một số chính sách thương mại. Nhưng Tổng thống vẫn có quyền hành pháp đáng kể về thương mại. Thuế quan khó có thể biến mất mà diễn biến khó đoán cao hơn.
Chính sách đối ngoại	- Trump có dư địa lớn hơn để triển khai America First. - Chi tiêu Quốc phòng, năng lượng, địa chính trị tiếp tục được ưu tiên.	Quốc hội kiểm soát mạnh hơn, khi Đảng Dân chủ nắm Hạ viện, có quyền quyết định về ngân sách nhiều hơn. Do đó, có thể làm chính sách đối ngoại chậm hơn, nhưng Tổng thống vẫn giữ vai trò lớn.
Quy định pháp lý	Thuận lợi cho các ngành tài chính, ngân hàng, quốc phòng, công nghệ, trung tâm dữ liệu.	Dù rằng khó làm đảo chiều chính sách, nhưng tạo nên sự chậm trễ trong ban hành các quy định, do việc tăng cường điều tra/giám sát.
Lợi suất trái phiếu	Xu hướng tăng: mở rộng tài chính + cung nợ + rủi ro lạm phát -> Lợi suất trái phiếu (bond yield) có thể duy trì cao.	Ổn định hơn khi chính sách tài khóa bị hạn chế. Nhưng rủi ro đóng cửa chính phủ/trần nợ công có thể tạo ra biến động ngắn hạn.
USD	2 chiều: tăng trưởng + yield cao hỗ trợ USD; nhưng thâm hụt/thuế quan/rủi ro địa chính trị có thể gây áp lực dài hạn.	Sự kỷ luật về chính sách tài khóa giúp kỳ vọng ổn định lạm phát, kiểm soát thâm hụt, nợ công. Nhưng sự không chắc chắn về nội bộ, có thể gây biến động USD.
Tác động tới Việt Nam	Rủi ro Thuế quan và thương mại cao hơn gây bất lợi nhóm xuất khẩu sang Mỹ. Và USD, yield cao có thể gây áp lực VND, dòng vốn đầu tư. Những vấn đề căng thẳng địa chính trị, giá năng lượng tác động đến giá hàng hóa.	Những chính sách về thương mại/thuế quan khó thay đổi nhưng kỳ vọng ổn định/hạn chế leo thang. Đồng USD và yield có thể bớt áp lực, tương đối tích cực cho thị trường chứng khoán VN nếu Fed có dư địa nở rộ.

Cán cân quyền lực chính trị tại Mỹ

Lĩnh vực/quyền hạn	Tổng thống	Hạ viện	Thượng viện	Căn cứ Quốc hội	Ý nghĩa, ảnh hưởng đối với thị trường
Ban hành luật	Ký hoặc phủ quyết	Thông qua dự luật	Thông qua dự luật	Có	Kiểm soát khả năng thực thi chương trình chính sách
Pủ quyết	Có quyền phủ quyết dự luật	Không	Không	–	Tổng thống có thể chặn luật do Quốc hội thông qua
Vượt phủ quyết	–	2/3 phiếu	2/3 phiếu	Có	Hạn chế quyền phủ quyết của Tổng thống
Thuế	Đề xuất chính sách	Dự luật thuế phải bắt đầu tại Hạ viện	Thông qua/sửa đổi	Có	Ảnh hưởng trực tiếp lợi nhuận doanh nghiệp, tiêu dùng và tăng trưởng
Chi tiêu Chính phủ	Đề xuất ngân sách, thực thi	Quyết định/phê chuẩn dự luật chi tiêu	Phê chuẩn	Có	Tác động GDP, hạ tầng, quốc phòng, y tế...
Ngân sách liên bang	Đề xuất	Có quyền lực lớn về phân bổ ngân sách	Cùng thông qua	Có	Có thể thúc đẩy hoặc hạn chế chính sách tài khóa
Trần nợ công	Ký/đàm phán thực thi	Thông qua	Thông qua	Có	Rủi ro Chính phủ đóng cửa, chạm mức trần nợ công
Thương mại quốc tế	Thực thi chính sách thương mại, có thể áp dụng thuế quan theo thẩm quyền được Quốc hội giao	Quyền lập pháp, ngân sách/giám sát	Quyền lập pháp, giám sát	Thường cần phối hợp	Thuế quan, lạm phát, lợi nhuận, định giá
Thuế quan	Quyền hành pháp đáng kể khi dựa trên luật được Quốc hội ủy quyền	Giám sát, lập luật, kiểm soát ngân sách	Giám sát, lập luật	Tùy cơ chế	Một trong những biến số lớn nhất với lạm phát và chuỗi cung ứng
Chiến tranh–tuyên chiến	Tổng tư lệnh quân đội	Quyền tuyên chiến	Quyền tuyên chiến	Có	Thay đổi chi tiêu quốc phòng, năng lượng, địa chính trị
Quân đội	Đứng đầu, chỉ huy và điều hành quân đội	Phê duyệt ngân sách	Phê duyệt ngân sách	Có về tài trợ	Quốc phòng, công nghiệp, dầu khí, hàng không
Hiệp ước quốc tế	Đàm phán/ký	Không phê chuẩn	2/3 Thượng viện phải đồng ý	Thượng viện, Tổng thống	Địa chính trị, thương mại, đầu tư
Bổ nhiệm Bộ trưởng/quan chức cấp cao	Đề cử/bổ nhiệm	Không	Phê chuẩn nhiều chức danh	Thượng viện, Tổng thống	Ảnh hưởng định hướng chính sách
Thẩm phán liên bang / Supreme Court	Đề cử	Không	Thượng viện xác nhận	Thượng viện, Tổng thống	Ảnh hưởng chính sách dài hạn và các tranh chấp pháp lý
Điều tra/giám sát Chính phủ	Không	Rất mạnh	Rất mạnh	–	Khi phe đối lập kiểm soát một viện -> Chính phủ chia rẽ, giám sát gia tăng
Luận tội Tổng thống	–	Khởi tố luận tội (impeach)	Xét xử và quyết định kết tội	Thượng viện + Hạ viện	Có thể tạo biến động chính trị lớn
Chính sách xã hội	Thực thi luật, sắc lệnh hành pháp (executive actions)	Lập luật + ngân sách	Lập luật + phê chuẩn	Thường cần cả hai viện	Y tế, giáo dục, nhập cư, phúc lợi
Nhập cư	Thực thi/điều hành đáng kể	Lập luật + ngân sách	Lập luật + ngân sách	Tùy chính sách	Lao động, tiền lương, tiêu dùng, xây dựng
Tiền tệ / lãi suất	Không trực tiếp quyết định	Không	Không	–	Fed độc lập; chính trị chủ yếu tác động gián tiếp

U.S. Constitution, USA.gov Federal Budget Process, Vikkibank Securities tổng hợp

BẦU CỬ GIỮA KỲ MỸ 1958-2026

QUYỀN LỰC TRƯỚC BẦU CỬ → KẾT QUẢ SAU BẦU CỬ

Mã theo thứ tự: Tổng thống - Thượng viện - Hạ viện | R = Cộng hòa • D = Dân chủ

2026: CHƯA DIỄN RA

KÝ HIỆU **R** Cộng hòa **D** Dân chủ **?** Chưa có kết quả **Lost Control** = trước bầu cử Tổng thống + cả hai viện cùng đảng, sau bầu cử mất ≥ 1 viện

1958-1990 | CÁC KỲ BẦU CỬ LỊCH SỬ

9 kỳ bầu cử

NĂM	TỔNG THỐNG	TRƯỚC	SAU	THAY ĐỔI / PHÂN LOẠI
1958	Eisenhower R	R D D	→ R D D	Quốc hội D nắm cả hai viện
1962	Kennedy D	D D D	→ D D D	D giữ trifecta
1966	Johnson D	D D D	→ D D D	D giữ trifecta
1970	Nixon R	R D D	→ R D D	Quốc hội D nắm cả hai viện
1974	Ford R	R D D	→ R D D	Quốc hội D nắm cả hai viện
1978	Carter D	D D D	→ D D D	D giữ trifecta
1982	Reagan R	R R D	→ R R D	Quốc hội chia rẽ
1986	Reagan R	R R D	→ R D D	Thượng viện đổi R → D
1990	Bush cha R	R D D	→ R D D	Quốc hội D nắm cả hai viện

1994-2026 | CÁC KỲ BẦU CỬ GẦN ĐÂY

2026 chưa có kết quả

NĂM	TỔNG THỐNG	TRƯỚC	SAU	THAY ĐỔI / PHÂN LOẠI
1994	Clinton D	D D D	→ D R R	MẤT CẢ HAI VIỆN LOST CONTROL
1998	Clinton D	D R R	→ D R R	Quốc hội R nắm cả hai viện
2002	Bush con R	R D R	→ R R R	Từ chia rẽ → R trifecta
2006	Bush con R	R R R	→ R D D	MẤT CẢ HAI VIỆN LOST CONTROL
2010	Obama D	D D D	→ D D R	MẤT HẠ VIỆN LOST CONTROL
2014	Obama D	D D R	→ D R R	Thượng viện đổi D → R
2018	Trump R	R R R	→ R R D	MẤT HẠ VIỆN LOST CONTROL
2022	Biden D	D D D	→ D D R	MẤT HẠ VIỆN LOST CONTROL
2026	Trump R	R R R	→ TBD	CHƯA CÓ KẾT QUẢ

5 KỲ “LOST CONTROL”

Đảng của Tổng thống nắm cả Thượng viện và Hạ viện trước bầu cử, nhưng sau bầu cử mất quyền kiểm soát ít nhất một viện.

1994 2006 2010 2018 2022

Các kỳ còn lại: chính phủ chia rẽ, giữ được trifecta, hoặc hình thành trifecta sau bầu cử.
*trifecta: một đảng nắm cả Nhà Trắng (tổng thống) lẫn cả hai viện Quốc hội.

Nguồn: American Presidency Project; U.S. House History & Archives; U.S. Senate — Party Division.



VikkiBanks
(028) 7100 0001
vikkibanks.vn
cskh@vikkibanks.vn

Hotline
1900 2273

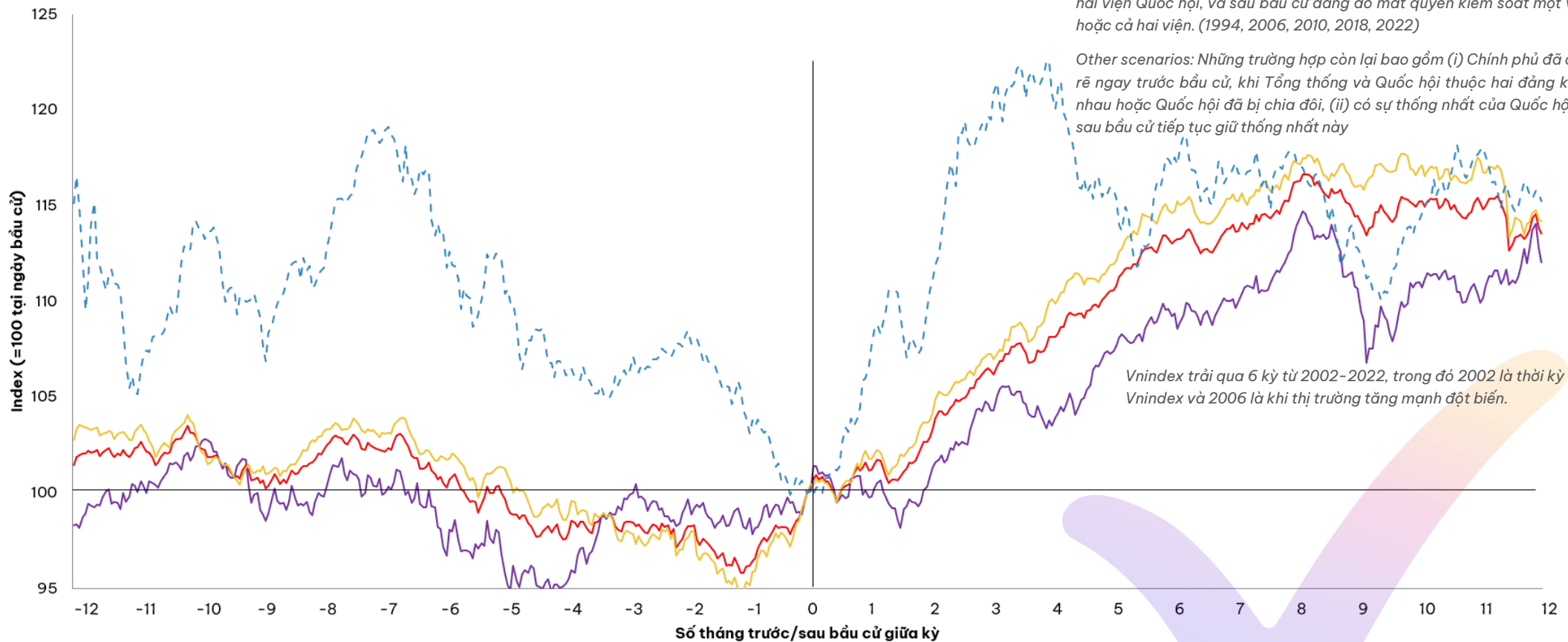
Diễn biến thị trường chứng khoán với cuộc bầu cử giữa kỳ

Giai đoạn S&P500 kể từ 1958-2026 trải qua 17 kỳ bầu cử giữa kỳ, khoảng thời gian trước cuộc bầu cử chỉ số có tỷ suất sinh lời thấp hơn so với giai đoạn sau bầu cử, điều này vẫn đúng dù kết quả cuộc bầu cử theo hướng Quốc hội chia rẽ hay thống nhất. Đối với Vnindex, diễn biến có phần giống với S&P 500, tuy nhiên Vnindex chỉ trải qua 6 lần có cuộc bầu cử giữa kỳ của Mỹ, năm 2002 khi chỉ số Vnindex thành lập chưa được bao lâu và năm 2006 Vnindex tăng mạnh đột biến, đây là 2 lần chỉ số chưa mang nhiều ý nghĩa. Diễn biến của VNINDEX cũng thấy mức độ biến động lớn hơn nhiều so với S&P500.

S&P500 vs VNINDEX quanh bầu cử giữa kỳ Mỹ

Lost Control: những kỳ bầu cử giữa kỳ, trước bầu cử, một đảng nắm cả hai viện Quốc hội, và sau bầu cử đảng đó mất quyền kiểm soát một viện hoặc cả hai viện. (1994, 2006, 2010, 2018, 2022)

Other scenarios: Những trường hợp còn lại bao gồm (i) Chính phủ đã chia rẽ ngay trước bầu cử, khi Tổng thống và Quốc hội thuộc hai đảng khác nhau hoặc Quốc hội đã bị chia đôi, (ii) có sự thống nhất của Quốc hội và sau bầu cử tiếp tục giữ thống nhất này



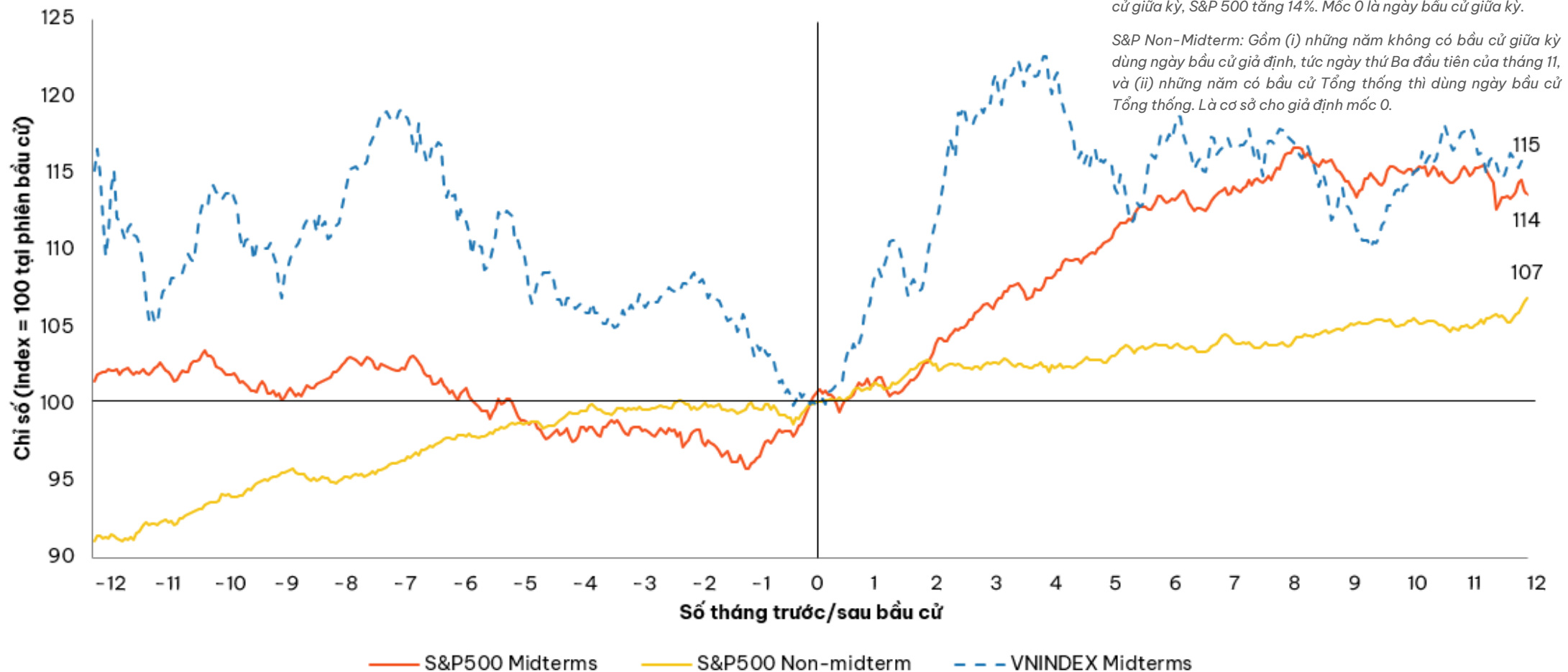
— S&P500 (1958-2022) — S&P500 Lost Control — S&P500 Other scenarios - - - VNINDEX Since (n=6)

BlackRock, Standard & Poor's, Vikkibank Securities, dữ liệu S&P 500 từ 1958-21/09/2026, Vnindex từ 2001-23/09/2026

Diễn biến thị trường chứng khoán với cuộc bầu cử giữa kỳ

Dữ liệu cho thấy, chỉ số S&P500 có xu hướng thận trọng trong năm có bầu cử giữa kỳ, và chỉ đạt tỷ suất sinh lời 7% sau 12 tháng kể từ bầu cử giữa kỳ, nhưng đạt 14% trong những năm còn lại. Vnindex cũng có xu hướng tăng trong 1 năm sau khi diễn ra bầu cử giữa kỳ của Mỹ, nhưng chúng tôi vẫn lưu ý dữ liệu có các năm 2002 và 2006 chưa mang nhiều ý nghĩa, trong khi 4 kỳ còn lại là khá ít để so sánh và kết luận được chặt chẽ.

S&P 500 & VNINDEX quanh bầu cử giữa kỳ Mỹ



BlackRock, Standard & Poor's, Vikkibank Securities, dữ liệu S&P 500 từ 1958-21/09/2026, Vnindex từ 2001-23/09/2026

Diễn biến thị trường chứng khoán với cuộc bầu cử giữa kỳ

- Đối với chỉ số S&P500, dữ liệu cho thấy sau kỳ bầu cử giữa kỳ, S&P500 thường tăng điểm, với các mốc sau 8 tháng và 12 tháng thì toàn bộ 17 kỳ đều đạt tỷ suất lợi nhuận dương. Trong khi Vnindex chỉ số này không đạt kết quả rõ rệt như vậy, và mẫu khảo sát còn tương đối nhỏ khi chỉ có 6 kỳ.
- Độ lệch chuẩn cao hơn, cho thấy Vnindex có mức độ biến động lớn hơn S&P500.
- Thời điểm 4 tháng đầu sau kỳ bầu cử giữa kỳ tháng 11 của Mỹ, cũng là giai đoạn mà Vnindex có xác suất tăng điểm cao nhất hàng năm, từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau, đây cũng là giai đoạn chỉ số tốt nhất trong năm. Giai đoạn cuối năm cũ, đầu năm mới là giai đoạn sau khi Quốc hội Việt Nam có kỳ họp cuối năm, các chính sách thúc đẩy kinh tế được thông qua để thực hiện mục tiêu tăng trưởng cả năm, các kế hoạch về tăng trưởng kinh tế năm mới và những kết quả/kế hoạch về lợi nhuận của các doanh nghiệp, tăng trưởng đầu tư công và tín dụng cũng thường tăng mạnh vào cuối năm, chúng tôi quan sát là những yếu tố giúp Vnindex thường tăng điểm trong giai đoạn này. Những diễn biến của Vnindex cho thấy các yếu tố chịu tác động bởi nội tại nền kinh tế.
- Giới đầu tư tại Mỹ ưa thích sự ổn định của chính trị mang lại môi trường đầu tư ổn định và rõ ràng hơn, vì vậy chỉ số S&P500 có xu hướng tăng mạnh hơn trong những năm không có bầu cử giữa kỳ. Kết quả Quốc hội Mỹ có đạt được sự thống nhất hay chia rẽ thì chỉ số S&P500 vẫn cho thấy tăng tốt hơn sau bầu cử, vì những chính sách kinh tế, chính trị có được sự rõ ràng hơn.
- Dù vậy, chúng tôi cho rằng, những thống kê về lịch sử có thể mang lại cảm nhận về sự lặp lại kịch bản tương tự trong tương lai, những giá trị trung bình về hiệu suất có thể gây hiểu nhầm khi loại bỏ qua các đợt giảm sốc/hoặc tăng sốc của thị trường. Những yếu tố về nội tại kinh tế, chính sách phát triển, sự ổn định của tăng trưởng lợi nhuận các doanh nghiệp, tính bền vững và triển vọng trong dài hạn, mới là những yếu tố cần theo dõi khi đầu tư.

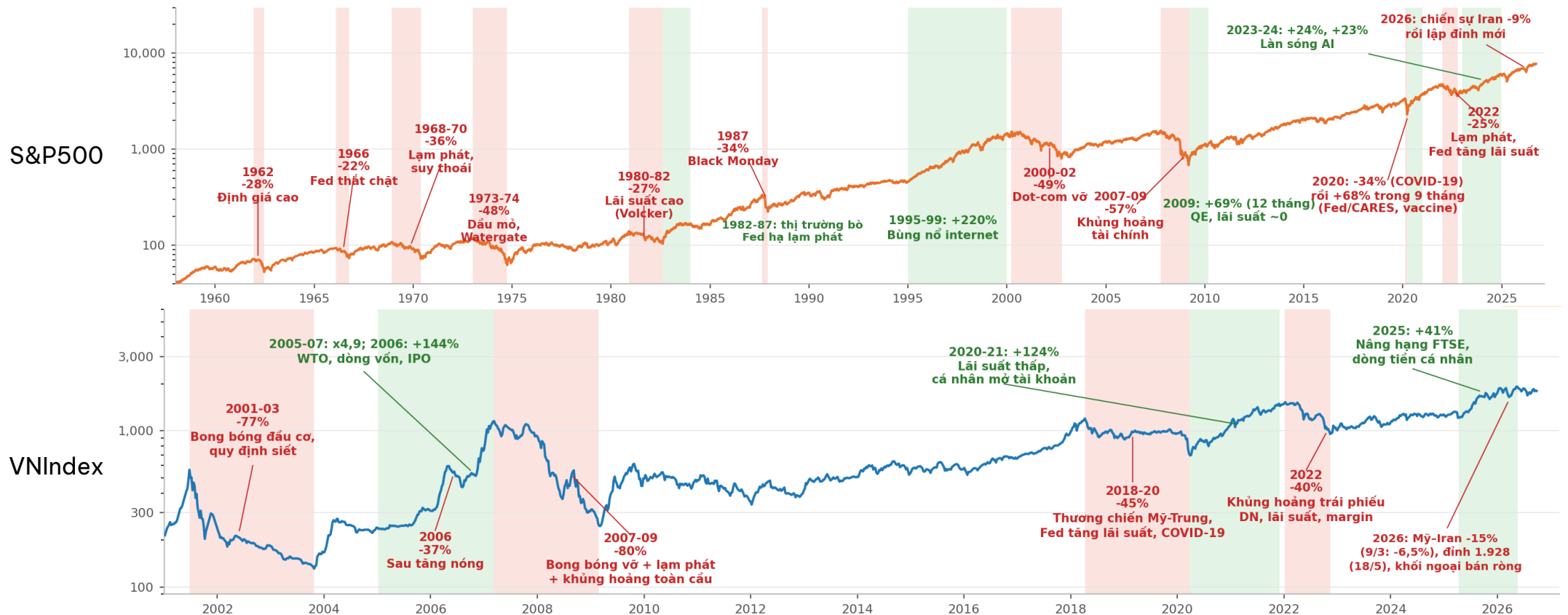
So sánh S&P500 và VNINDEX quanh bầu cử giữa kỳ Mỹ.

Giai đoạn	TB S&P500 (n=17)	% dương S&P500	TB VNINDEX (n=6)	% dương VNINDEX	Độ lệch chuẩn S&P500	Độ lệch chuẩn VNINDEX
Trước 12T	1,3%	58,8%	0,2%	50,0%	17,2%	37,4%
Trước 8T	0,1%	52,9%	-6,4%	33,3%	13,4%	20,2%
Trước 4T	2,6%	47,1%	-6,0%	50,0%	10,8%	8,3%
Sau 4T	7,9%	94,1%	21,5%	83,3%	7,1%	47,4%
Sau 8T	16,0%	100,0%	16,9%	66,7%	6,7%	39,2%
Sau 12T	14,0%	100,0%	15,7%	66,7%	8,0%	42,6%

Standard & Poor's, Vikkibank Securities, dữ liệu S&P 500 từ 1958-21/09/2026, Vnindex từ 2001-23/09/2026

Những biến động lớn của chứng khoán gắn với các cú sốc vĩ mô trùng thời điểm hơn là với bản thân cuộc bầu cử

Trong 17 kỳ từ 1958, S&P 500 giảm ở 8 năm bầu cử giữa kỳ, các năm giảm sâu đều có nguyên nhân: 1974 (-29.7%) do khủng hoảng dầu mỏ, lạm phát và Watergate; 2002 (-23.4%) do bong bóng dot-com vỡ; 2022 (-19.4%) do lạm phát cao và Fed tăng lãi suất mạnh; 2018 (-6.2%) do Fed thắt chặt và chiến tranh thương mại. Một số đáy thị trường còn hình thành trước ngày bầu cử (8/1982, 10/2002, 10/2022), tức là chính sách tiền tệ và chu kỳ kinh tế tác động nhiều hơn. VNINDEX cho thấy rõ hơn: năm 2006 tăng +144.5% nhờ việc gia nhập WTO và dòng vốn ngoại, trong khi S&P 500 chỉ tăng 13.6%; năm 2022 giảm -32.8% do khủng hoảng trái phiếu doanh nghiệp trong nước; năm 2018 giảm -9.3% theo thương chiến Mỹ-Trung. Nhìn chung, S&P500 chịu những cú sốc tăng/giảm đến từ các yếu tố vĩ mô, giá dầu, dịch bệnh. Trong khi Vnindex cũng chịu chung tác động phần nào, nhưng chỉ số bị khuếch đại biến động do những nội tại kinh tế riêng.



Vikkibank Securities, dữ liệu S&P 500 từ 1958-21/09/2026, Vnindex từ 2001-23/09/2026

Cuối cùng, điều gì cần theo dõi?

- Trước hết, chúng tôi nhấn mạnh việc những yếu tố về kinh tế, chính trị, tính bền vững trong tăng trưởng lợi nhuận của doanh nghiệp, mới là những yếu tố cần quan tâm khi đầu tư, và cũng là những yếu tố tác động đến thị trường chứng khoán, hơn là sự kiện bầu cử thuần túy.
- Đối với Mỹ, việc chỉ số S&P500 cho thấy phần lớn tăng điểm sau các kỳ bầu cử giữa kỳ, điều này cũng có những ý nghĩa nhất định, khi phản ánh môi trường chính trị rõ ràng hơn sau bầu cử, các chính sách mới dù là Quốc hội chia rẽ hay thống nhất, đều hướng đến mục tiêu duy trì tăng trưởng cho nền kinh tế lớn nhất thế giới. Như chúng tôi đã đề cập, xác suất cao Quốc hội Mỹ chia rẽ sau kỳ bầu cử giữa kỳ vào 3/11. Kịch bản đảng Dân chủ nắm quyền kiểm soát Hạ viện, những chính sách lớn có thể bị tác động bao gồm (i) tập trung các chính sách tài khóa theo hướng thắt chặt hơn, kiểm soát các gói tài khóa, thắt chặt hơn trong chi tiêu ngân sách để giảm thâm hụt và nợ công, sự kỷ luật về chính sách tài khóa giúp ổn định lạm phát, lợi suất trái phiếu bất ổn, (ii) việc giám sát chặt ngân sách có thể hạn chế hơn các căng thẳng địa chính trị mà Mỹ đang tham gia, kỳ vọng giá dầu thô và nhiều hàng hóa có thể giảm hạ nhiệt, (iii) chính sách thuế quan có thể mất nhiều thời gian để thông qua khi Hạ viện được kiểm soát bởi đảng Dân chủ, đại diện cho tầng lớp cử tri đa số đang chịu tác động từ thuế quan lên giá cả hàng hóa.
- Chúng tôi cũng thận trọng nhấn mạnh, những đảo chiều một cách mạnh mẽ về các chính sách khó xảy ra trong thời gian ngắn, quyền hành của Tổng thống vẫn có quyền phủ quyết ở nhiều chính sách của Quốc hội, dù vậy việc Quốc hội chia rẽ giúp tính giám sát lẫn nhau trở nên chặt chẽ, hạn chế được quyền hành tập trung, hạn chế/hoặc làm chậm việc thông qua các chính sách nóng hiện nay, như chi tiêu quân sự/căng thẳng tại khu vực Trung Đông.
- Đối với VNIndex, chúng tôi không tập trung vào việc so sánh tương quan giữa S&P500 và Vnindex, mà tập trung hơn vào những yếu tố tác động đến tăng trưởng/hoặc suy giảm. Có thể thấy, những chính sách của Mỹ mà chúng tôi liệt kê ở trên, đã có những tác động nhất định đến kinh tế Việt Nam trong thời gian gần đây. Lãi suất và lạm phát toàn cầu ở một nền cao hơn, giá dầu thô trở nên khó đoán với những căng thẳng tại Trung Đông và việc đàm phán dai dẳng chưa có hồi kết, điều này đã hạn chế các chính sách tiền tệ của Việt Nam và lạm phát trong nước ở mức khá cao, trong bối cảnh nhu cầu vốn cho chi tiêu đầu tư trong nước nhưng lãi suất khó có dư địa giảm trong ngắn hạn bởi cả những yếu tố trong và ngoài nước.
- Vì vậy, chúng tôi kỳ vọng, việc Quốc hội Mỹ chia rẽ, và hơn hết là các nút thắt trong trung dài hạn có thể theo hướng hạ nhiệt, qua đó tác động dẫn truyền đến nền kinh tế toàn cầu, trong đó có Việt Nam. Sau cùng, những chính sách kinh tế, sự tác động của các yếu tố vĩ mô đến tăng trưởng nền kinh tế, lợi nhuận của các doanh nghiệp, là điều cần theo dõi nhiều hơn khi đầu tư.

Phụ lục

Diễn biến Vnindex trong giai đoạn trước và trong Kỳ họp Quốc hội hàng năm với tỷ suất sinh lời thấp.

Điều này rõ hơn khi trong thời gian diễn ra kỳ họp vào cuối năm, Vnindex giảm điểm 12/16 kỳ họp gần nhất.

Tuy nhiên, giai đoạn sau kỳ họp cuối năm, Vnindex có xác suất tăng điểm cao nhất, điều này rõ ràng hơn giai đoạn 2020-2025.

Giai đoạn tăng sau kỳ họp cuối năm trong 1-3 tháng, trùng hợp với thời điểm nền kinh tế tăng tốc giai đoạn cuối năm, giải ngân đầu tư công, tăng trưởng tín dụng và mùa vụ mua sắm, tiêu dùng cuối năm cao điểm, đây cũng là giai đoạn Chính phủ và Doanh nghiệp đặt kế hoạch cho mục tiêu tăng trưởng năm mới.

Kỳ họp đầu năm					% thay đổi VNINDEX (giá đóng cửa)						
Năm	Kỳ họp	Ngày khai mạc	Ngày bế mạc	Số phiên GD trong kỳ họp	Trước 3 tháng	Trước 2 tháng	Trước 1 tháng	Trong kỳ họp	Sau 1 tháng	Sau 2 tháng	Sau 3 tháng
2010	Kỳ 7 – Khóa XII	20/05/2010	19/06/2010	22	-2,4%	-4,1%	-3,9%	3,3%	-0,9%	-11,5%	-10,5%
2011	Kỳ 9 – Khóa XII	21/03/2011	29/03/2011	7	-4,3%	-11,2%	-4,7%	-0,7%	4,8%	-10,3%	-5,1%
2012	Kỳ 3 – Khóa XIII	21/05/2012	21/06/2012	24	5,9%	-2,4%	-6,6%	-0,9%	-1,5%	-3,3%	-8,3%
2013	Kỳ 5 – Khóa XIII	20/05/2013	18/06/2013	22	-1,5%	0,1%	3,0%	2,3%	-0,4%	1,8%	-4,9%
2014	Kỳ 7 – Khóa XIII	20/05/2014	24/06/2014	26	-6,7%	-11,2%	-5,7%	6,9%	5,7%	8,8%	5,9%
2015	Kỳ 9 – Khóa XIII	20/05/2015	25/06/2015	27	-8,6%	-6,7%	-5,0%	9,5%	7,4%	-9,9%	-3,0%
2016	Kỳ 11 – Khóa XIII	21/03/2016	12/04/2016	17	1,6%	10,3%	3,9%	0,7%	5,6%	8,6%	13,6%
2017	Kỳ 3 – Khóa XIV	22/05/2017	21/06/2017	23	2,3%	2,9%	3,0%	4,6%	-0,7%	0,2%	4,8%
2018	Kỳ 5 – Khóa XIV	21/05/2018	15/06/2018	20	-4,3%	-11,0%	-7,1%	-2,3%	-10,5%	-5,4%	-2,5%
2019	Kỳ 7 – Khóa XIV	20/05/2019	14/06/2019	20	0,6%	-2,6%	1,1%	-2,3%	2,3%	1,6%	3,5%
2020	Kỳ 9 – Khóa XIV	20/05/2020	19/06/2020	23	-9,8%	19,2%	6,4%	2,7%	0,4%	-2,0%	3,7%
2021	Kỳ 11 – Khóa XIV	24/03/2021	08/04/2021	12	10,9%	1,4%	1,8%	4,3%	0,6%	6,9%	11,3%
2022	Kỳ 3 – Khóa XV	23/05/2022	16/06/2022	19	-18,0%	-17,4%	-10,0%	-0,3%	-4,6%	3,1%	-0,2%
2023	Kỳ 5 – Khóa XV	22/05/2023	24/06/2023	25	1,2%	2,5%	2,3%	5,8%	5,4%	5,3%	5,6%
2024	Kỳ 7 – Khóa XV	20/05/2024	29/06/2024	30	3,5%	1,0%	8,4%	-2,2%	0,1%	2,9%	3,7%
2025	Kỳ 9 – Khóa XV	05/05/2025	27/06/2025	40	-3,4%	-6,0%	1,3%	11,8%	11,6%	22,0%	21,1%
2026	Kỳ 1 – Khóa XVI	06/04/2026	24/04/2026	15	-7,3%	-4,1%	-4,7%	10,1%	1,3%	1,3%	-9,0%

Kỳ họp cuối năm					% thay đổi VNINDEX (giá đóng cửa)						
Năm	Kỳ họp	Ngày khai mạc	Ngày bế mạc	Số phiên GD trong kỳ họp	Trước 3 tháng	Trước 2 tháng	Trước 1 tháng	Trong kỳ họp	Sau 1 tháng	Sau 2 tháng	Sau 3 tháng
2010	Kỳ 8 – Khóa XII	20/10/2010	27/11/2010	28	-10,3%	-0,1%	-0,8%	-3,2%	7,5%	14,3%	6,2%
2011	Kỳ 2 – Khóa XIII	21/10/2011	21/11/2011	22	-2,3%	0,7%	-9,8%	-6,1%	-3,0%	-1,6%	8,4%
2012	Kỳ 4 – Khóa XIII	22/10/2012	23/11/2012	25	-6,2%	-2,9%	0,7%	-4,1%	3,9%	16,2%	25,1%
2013	Kỳ 6 – Khóa XIII	21/10/2013	28/11/2013	29	-0,6%	-0,4%	5,0%	1,4%	-0,3%	9,6%	15,5%
2014	Kỳ 8 – Khóa XIII	20/10/2014	26/11/2014	28	-1,8%	-3,5%	-4,6%	-1,6%	-7,4%	0,8%	3,6%
2015	Kỳ 10 – Khóa XIII	20/10/2015	26/11/2015	28	-4,2%	4,9%	5,0%	-0,7%	-3,8%	-8,9%	-4,1%
2016	Kỳ 2 – Khóa XIV	20/10/2016	23/11/2016	25	4,3%	4,0%	3,8%	-0,8%	-2,8%	0,6%	4,9%
2017	Kỳ 4 – Khóa XIV	23/10/2017	24/11/2017	25	8,5%	7,9%	2,4%	13,2%	1,8%	16,1%	17,9%
2018	Kỳ 6 – Khóa XIV	22/10/2018	21/11/2018	23	2,7%	-2,4%	-4,4%	-3,7%	-1,1%	-1,2%	7,0%
2019	Kỳ 8 – Khóa XIV	21/10/2019	27/11/2019	28	0,7%	-0,5%	-0,1%	-1,1%	-1,5%	1,4%	-8,2%
2020	Kỳ 10 – Khóa XIV	20/10/2020	17/11/2020	21	9,6%	11,3%	4,7%	2,7%	8,6%	23,3%	19,3%
2021	Kỳ 2 – Khóa XV	20/10/2021	13/11/2021	18	9,6%	5,0%	3,3%	5,6%	0,2%	1,5%	1,9%
2022	Kỳ 4 – Khóa XV	20/10/2022	15/11/2022	19	-11,2%	-16,5%	-13,0%	-14,0%	15,7%	16,3%	14,9%
2023	Kỳ 6 – Khóa XV	23/10/2023	29/11/2023	28	-6,6%	-5,5%	-7,1%	-0,5%	2,5%	6,6%	13,6%
2024	Kỳ 8 – Khóa XV	21/10/2024	30/11/2024	30	1,6%	0,1%	1,1%	-2,7%	1,7%	1,2%	4,4%
2025	Kỳ 10 – Khóa XV	20/10/2025	11/12/2025	39	15,6%	4,0%	4,4%	-1,9%	9,9%	5,8%	1,7%
2026	Kỳ 2 – Khóa XVI	17/10/2026	20/11/2026								

Giai đoạn từ tháng 11 năm cũ đến tháng 3 đầu năm sau, là giai đoạn Vnindex có tỷ suất sinh lời tốt hơn, và xác suất giai đoạn này các tháng có lợi nhuận dương cao hơn các giai đoạn khác trong năm, điều này càng rõ rệt hơn trong 5 năm gần nhất.

Năm	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	Cả năm
2001	16,7%	2,7%	6,7%	19,2%	25,9%	23,8%	-15,6%	-34,3%	-11,9%	6,5%	10,8%	-18,4%	11,8%
2002	-11,8%	-7,9%	4,7%	4,2%	-0,7%	-2,4%	-2,2%	-3,0%	-5,0%	-2,5%	0,1%	3,1%	-22,1%
2003	-6,0%	-4,5%	-11,7%	4,9%	-0,2%	0,0%	-3,9%	-2,5%	-2,4%	-2,2%	20,3%	1,9%	-8,9%
2004	28,4%	21,6%	6,5%	-4,7%	-4,7%	-0,9%	-4,5%	-2,5%	0,3%	-0,3%	-1,3%	4,2%	43,3%
2005	-2,5%	0,8%	4,9%	-0,1%	-0,8%	1,1%	-0,5%	3,7%	13,7%	6,2%	1,3%	-1,2%	28,5%
2006	1,6%	25,1%	28,9%	18,3%	-9,5%	-4,3%	-18,1%	16,3%	7,2%	-2,9%	23,8%	18,8%	144,5%
2007	38,5%	9,3%	-5,8%	-13,8%	17,1%	-5,3%	-11,4%	0,0%	15,2%	1,7%	-8,7%	-4,7%	23,3%
2008	-8,9%	-21,4%	-22,1%	1,1%	-20,7%	-3,5%	13,0%	21,3%	-16,6%	-24,0%	-9,3%	0,3%	-66,0%
2009	-3,9%	-19,0%	14,2%	14,6%	28,0%	8,9%	4,1%	17,1%	6,2%	1,1%	-14,1%	-1,8%	56,8%
2010	-2,6%	3,1%	0,5%	8,7%	-6,5%	-0,1%	-2,6%	-7,9%	-0,1%	-0,4%	-0,2%	7,3%	-2,0%
2011	5,3%	-9,6%	-0,1%	4,1%	-12,2%	2,6%	-6,2%	4,9%	0,5%	-1,6%	-9,5%	-7,7%	-27,5%
2012	10,4%	9,2%	4,1%	7,4%	-9,4%	-1,6%	-1,9%	-4,5%	-0,9%	-1,1%	-2,7%	9,5%	17,7%
2013	16,0%	-1,1%	3,5%	-3,4%	9,2%	-7,2%	2,2%	-3,9%	4,2%	1,0%	2,1%	-0,6%	22,0%
2014	10,3%	5,4%	0,9%	-2,3%	-2,8%	2,9%	3,1%	6,8%	-5,9%	0,3%	-5,7%	-3,7%	8,1%
2015	5,6%	2,9%	-7,0%	2,0%	1,3%	4,1%	4,7%	-9,1%	-0,4%	8,0%	-5,6%	1,0%	6,1%
2016	-5,8%	2,6%	0,3%	6,6%	3,4%	2,2%	3,2%	3,4%	1,6%	-1,4%	-1,6%	0,0%	14,8%
2017	4,9%	1,9%	1,6%	-0,6%	2,8%	5,2%	0,9%	-0,1%	2,8%	4,1%	13,5%	3,6%	48,0%
2018	12,8%	1,3%	4,4%	-10,6%	-7,5%	-1,1%	-0,5%	3,5%	2,8%	-10,1%	1,3%	-3,7%	-9,3%
2019	2,0%	6,0%	1,6%	-0,1%	-2,0%	-1,0%	4,4%	-0,8%	1,3%	0,2%	-2,8%	-1,0%	7,7%
2020	-2,5%	-5,8%	-24,9%	16,1%	12,4%	-4,6%	-3,2%	10,4%	2,7%	2,2%	8,4%	10,0%	14,9%
2021	-4,3%	10,6%	2,0%	4,0%	7,2%	6,1%	-7,0%	1,6%	0,8%	7,6%	2,4%	1,3%	35,7%
2022	-1,3%	0,8%	0,1%	-8,4%	-5,4%	-7,4%	0,7%	6,1%	-11,6%	-9,2%	2,0%	-3,9%	-32,8%
2023	10,3%	-7,8%	3,9%	-1,5%	2,5%	4,2%	9,2%	0,1%	-5,7%	-10,9%	6,4%	3,3%	12,2%
2024	3,0%	7,6%	2,5%	-5,8%	4,3%	-1,3%	0,5%	2,6%	0,3%	-1,8%	-1,1%	1,3%	12,1%
2025	-0,1%	3,2%	0,1%	-6,2%	8,7%	3,3%	9,2%	12,0%	-1,2%	-1,3%	3,1%	5,5%	40,9%
2026*	2,5%	2,8%	-10,9%	10,7%	0,5%	-0,2%	-6,7%	5,6%					2,7%
Trung bình	4,6%	1,5%	0,3%	2,5%	1,6%	0,9%	-1,1%	1,8%	-0,1%	-1,2%	1,3%	1,0%	14,7%
Trung vị	2,3%	2,6%	1,6%	1,6%	0,2%	-0,1%	-0,5%	2,1%	0,3%	-0,4%	0,1%	1,0%	12,2%
% dương	57,7%	69,2%	73,1%	53,8%	50,0%	46,2%	46,2%	61,5%	56,0%	44,0%	52,0%	56,0%	73,1%

Vikkibank Securities, 2026: số liệu đến hết tháng 8/2026; cột "Cả năm" của 2026 là lũy kế 8 tháng (YTD).



TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁO CÁO

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBankS) là thành viên của Ngân hàng số Vikki, hiện là một trong các định chế tài chính lớn nhất Việt Nam. VikkiBankS cũng là một thành viên chính thức của thị trường chứng khoán Việt Nam, và đang đi đầu trong một số dịch vụ tài chính có công nghệ cao. Công ty hiện có đầy đủ các nghiệp vụ chứng khoán gồm: Môi giới, Tự doanh, Tư vấn tài chính và Tư vấn đầu tư, Lưu ký chứng khoán.

HỆ THỐNG CHI NHÁNH

• Trụ sở chính:

Địa chỉ: 62 – 70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 5445

• Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: 60–70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 4891

• Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: 181 Nguyễn Lương Bằng, Phường Đồng Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 3944 5175 Fax: (024) 3944 5178 – 3944 5176

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này chỉ nhằm cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như nhà đầu tư cá nhân và không hàm ý đưa ra lời khuyên chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào. Các quan điểm và nhận định trình bày trong báo cáo không tính đến sự khác biệt về mục tiêu và chiến lược cụ thể của từng nhà đầu tư. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của mình. Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBankS) tuyệt đối không chịu trách nhiệm bất kỳ thiệt hại nào liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin của báo cáo này.

Các quan điểm, nhận định, đánh giá trong báo cáo là quan điểm cá nhân của cá nhân người viết mà không đại diện cho quan điểm của VikkiBankS và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VikkiBankS thu thập từ nguồn đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, VikkiBankS không đảm bảo độ chính xác thông tin này.

Báo cáo này là tài sản và được giữ bản quyền bởi VikkiBankS. Không được phép sao chép, phát hành cũng như tái phân phối báo cáo vì bất kỳ mục đích gì nếu không có văn bản chấp thuận của VikkiBankS. Vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.